TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2023/DS-PT
Ngày: 28-6-2023
V/v Tranh chấp tài sản chung, tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Minh Tâm

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Ry, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 512/2023/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc *"Tranh chấp tài sản chung, tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1221/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn H, sinh năm 1958 (chết ngày 22/5/2022);

Địa chỉ: Số 162/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:

1/ Anh Lâm Trung H1, sinh năm 1989 (có mặt);

2/ Anh Lâm Anh H2, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số 162/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Công T, sinh năm 1995 (Theo Văn bản ủy quyền số 4950, quyển số 77TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S chứng thực ngày 01/10/2018) (có mặt);

Cư trú tại: Căn 107, khu A3, chung cư Bạch Đằng – Ngô Q, Phường 6, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Lâm Văn H3, sinh năm 1953 (vắng mặt); bà Đỗ Thị Nam H4, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cư trú: Số 162/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lâm Xuân H5, sinh năm 1978 (có mặt);

Cư trú: Số 162/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên lạc: Số 205/10G, đường Hoàng Văn Th, Phường 8, quận Phú Nh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông H3, bà H4:

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1978 – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Lưu Ng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

+ Bà Lương Phương Th – Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Lưu Ng, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

Địa chỉ: Số 02C, đường Nguyễn Huy T, phường Đa K, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trần Thị H6, sinh năm 1953 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 3412 Central Ave San Diego, California, USA.

2/ Chị Lâm Bảo Tr, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 3412 Central Ave San Diego, California, USA.

3/ Chị Lâm Trần Bảo Ch, sinh năm 1991 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số 3412 Central Ave San Diego California, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H6, chị Tr, chị Ch: Ông Đỗ Hữu S, sinh năm 1952 (Theo Văn bản ủy quyền được Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ xác nhận số 100-06/HPHLS ngày 10/6/2021) (có mặt);

Cư trú: Số 91/23, đường Hà G, Phường 1, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Ông Ngô V, sinh năm 1954 (vắng mặt);

Cư trú: Số 82, đường Nguyễn Thái H, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Anh Ngô Vũ V1, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú: Số 82, đường Nguyễn Thái H, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

6/ Anh Ngô Việt T1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cư trú: Số 82, đường Nguyễn Thái H, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

7/ Chị Ngô Thị Ngọc D, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cư trú: Số 82, đường Nguyễn Thái H, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông V, anh V1, anh T1, chị D: Anh Bùi Công T, sinh năm 1995 (Theo Văn bản ủy quyền số 3074, quyển số 69 TP/CC-SCC.HĐGD do Văn phòng công chứng Đỗ Hữu S chứng thực ngày 16/7/2019) (có mặt);

Cư trú: Căn 107, khu A3, chung cư Bạch Đằng – Ngô Q, Phường 6, thành phố Đà L, tỉnh Lâm Đồng.

8/ Ông Lâm Xuân H5, sinh năm 1978 (có mặt);

Cư trú: Số 137/18, đường Phan Văn H, khu phố 4, phường Tân Thới Nh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

9/ Ông Lâm Xuân H7, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Cư trú: Số 137/18, đường Phan Văn H, phường Tân Thới Nh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

10/ Bà Lâm Thị Ánh H8, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Cư trú: Số 137/18, đường Phan Văn H, phường Tân Thới Nh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H7 và bà H8: Ông Lâm Xuân H5, sinh năm 1981 (Theo Văn bản ủy quyền số 005135 và số 005136, quyển số 03TP/CC-

SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng Đỗ Trí Tín chứng nhận ngày 27/8/2020) (có mặt);

Cư trú: Số 137/18, đường Phan Văn H, khu phố 4, phường Tân Thới Nh, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số 205/10G, đường Hoàng Văn Th, Phường 8, quận Phú Nh, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ Ông Lâm Văn T3, sinh năm 1942 (vắng mặt);

Cư trú: Số 156/2, đường Nguyễn Văn C, phường An H3, quận Ninh K, thành phố Cần Thơ.

12/ Bà Lâm Thị C3, sinh năm 1954 (có mặt);

Cư trú: Số 221, đường Nguyễn Văn C, phường Lộc P, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

13/ Ông Lâm Quang Kh, sinh năm 1956 (có mặt);

Cư trú: Tổ 8, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

14/ Bà Lâm Thị Kim H9, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Cư trú: Xóm 3, Thủy Tr, xã Cam Hải Đ, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

15/ Ông Lâm Minh Kh, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 6, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

16/ Ông Lâm Hoàng K3, sinh năm 1961 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 17, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

17/ Bà Lâm Thị Kim P, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: 308 Rosendale Way, Simpsonivle, SC 26981, USA.

18/ Bà Lâm Thị T4, sinh năm 1968 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 3, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

19/ Ông Lâm Tấn C4, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 17, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

20/ Bà Lâm Thị Mai X, sinh năm 1970 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 6, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

21/ Bà Lâm Thanh K5, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 6, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

22/ Bà Lâm Thị Quỳnh N, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cư trú: Số 138, khu phố 7, phường Tân Phong, thành phố Biên H3, tỉnh Đồng Nai.

23/ Ông Lâm Văn N2, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cư trú: Số 62A, đường Trường Chinh, phường Tân Hưng Thuận, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

24/ Bà Lâm Thị Thanh T5, sinh năm 1967 (có mặt);

Cư trú: Số 87/25, đường Bành Văn Trân, Phường 7, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

25/ Ông Lâm Văn L5, sinh năm 1974 (vắng mặt);

Cư trú: Số 29/25A, đường 18, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

26/ Ông Lâm Văn B, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Cư trú: Số 29/25A, đường 18, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

27/ Ông Lâm Văn Ch, sinh năm 1979 (có mặt);

Cư trú: Số 184/24, đường Bùi Văn Ngữ, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

28/ Bà Lâm Thị Thanh H4, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cư trú: Tổ 1, ấp Hải S, xã Phước H, huyện Long Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

29/ Bà Lâm Thị Ngọc T5, sinh năm 1963 (có mặt);

Cư trú: Số 46, đường Lộc H, Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

30/ Ông Lâm Văn S, sinh năm 1970 (có mặt);

Cư trú: Số 14, đường Lê Lăng, phường Phú Thọ H3, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

31/ Anh Lâm Trung H1, sinh năm 1989 (có mặt);

32/ Anh Lâm Anh H2, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số 162/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Bùi Công T, sinh năm 1995 (Theo Văn bản ủy quyền số 4950, quyển số 77TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S chứng thực ngày 01/10/2018) (có mặt);

33/ Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trọng T – Chủ tịch (vắng mặt);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Văn C (Theo Văn bản ủy quyền số 2130/UBND ngày 15/10/2019) (xin vắng mặt).

34/ Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S;

Địa chỉ: Số 43/7, đường Hà G, Phường 1, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu S – Trường Văn phòng (có mặt).

35/ Văn phòng Công chứng Phạm Thị Th;

Địa chỉ: Số 24, đường Lý Tự Trọng, Phường 2, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Th – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn S (vắng mặt);

Cư trú: Số 150, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Ông Lê Văn G (vắng mặt);

Cư trú: Số 15/7, đường Nguyễn Văn C, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Nguyễn Thị Kim D (có mặt);

Cư trú: Số 144, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Nguyễn Thị L (có mặt);

Cư trú: Số 114/5, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

5. Ông Nguyễn Hữu Th (vắng mặt);

Cư trú: Số 289B, tổ 6, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

6. Ông Nguyễn Văn Xứng (vắng mặt);

Cư trú: Số 142/1, đường Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Lâm Văn H3; bà Đỗ Thị Hải Nam và người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan ông Lâm Xuân H5.

- *Kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 29/5/2019 của ông Lâm Văn H, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của anh Bùi Công T, người đại diện theo ủy quyền của ông H, thì: Cha ông H là cụ Lâm Văn Kỷ (sinh năm 1907, chết ngày 13/02/1991), mẹ ông H là bà Phạm Thị Đài (sinh năm 1911, chết ngày 18/3/2001), cha mẹ ông H có các người con bao gồm ông Lâm Văn H; ông Lâm Văn H3; ông Lâm Văn Hậu (chết ngày 21/11/2017) có vợ bà Trần Thị H6, các con là Lâm Bảo Tr, Lâm Trần Bảo Ch; bà Lâm Thị Mơ (chết năm 2010), có chồng là ông Ngô V và các con là Ngô Vũ V1, Ngô Việt T1, Ngô Thị Ngọc D; ông Lâm Văn Tri (sinh năm 1935, chết năm 2014), có con tên là ông Lâm Văn N2, bà Lâm Thị Thanh T5, ông Lâm Văn S, ông Lâm Văn L5, ông Lâm Văn B, ông Lâm Văn Ch, bà Lâm Thị Thanh H4. Ngoài ra cụ Kỷ có các con riêng gồm ông Lâm Văn T3; ông Lâm Văn Liệu (sinh năm: 1934, chết năm 2008), có vợ là bà Nguyễn Thị Giàng (sinh năm: 1936, chết năm 2005), có có con gồm bà Lâm Thị C3, ông Lâm Quang Kh, bà Lâm Thị Kim H9, ông Lâm Minh Kh, ông Lâm Hoàng K3, bà Lâm Thị Kim P, bà Lâm Thị T4, ông Lâm Tấn C4, bà Lâm Thị Mai X, ông Lâm Thanh K5, bà Lâm Thị Quỳnh N.

Quá trình chung sống cụ Kỷ, cụ Đài tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ Diện tích nhà và quyền sử dụng đất 1.929m^2, thửa 886, tờ bản đồ số G.160.I.A, tọa lạc tại số 162/1, hẻm Trần Ph, phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 534938 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L), tỉnh Lâm Đồng cấp cho vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 ngày 16/5/2007.

+ Diện tích quyền sử dụng đất 2.143m^2, thửa 845, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp cho ông Lâm Văn H3.

Do cụ Kỷ, cụ Đài chết không để lại di chúc nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Phân chia tài sản chung là nhà ở cấp 4 với diện tích quyền sử dụng đất 244m^2; đất ở diện tích 299m^2; đất nông nghiệp 1.630m^2 thuộc các thửa đất số 241, 242, 244, 88, 90 cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L), tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI534938 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp cho

ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 ngày 16/5/2007, phân chia tài sản nêu trên cho vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4; ông Lâm Văn Hậu và ông Lâm Văn H theo Văn bản thỏa thuận về xử lý tài sản được lập tại Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 (nay là Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S) chứng thực ngày 25/9/2015.

+ Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nông nghiệp 2.143m^2 thuộc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 26 tọa lạc tại phường Lộc S, thị xã (nay là thành phố) Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 ngày 18/8/2006, chia cho 04 người gồm vợ chồng ông H3, bà H4, ông Hậu (bà H6), ông H, bà Lâm Thị Mơ.

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006.

+ Hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên chứng thực.

Do hiện nay chưa có chỗ ở nên nguyên đơn xin được nhận bằng hiện vật.

Theo lời trình bày của ông Lâm Xuân H5, người đại diện theo ủy quyền của vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4, thì:

Thống nhất về hàng thừa kế mà nguyên đơn trình bày, không tranh chấp gì về hàng thừa kế, diện thừa kế. Tuy nhiên đối với ông Lâm Văn Hậu, theo giấy khai sinh thì mẹ của ông Hậu là bà Phạm Thị Hạ, cha của ông Hậu là cụ Lâm Văn Kỷ, do đó ông Hậu không thuộc hàng thừa kế của cụ Đài.

Cụ Lâm Văn Kỷ, chết ngày 13/02/1991, không để lại di sản thừa kế nào và không để lại di chúc. Cụ Phạm Thị Đài, mất ngày 18/03/2001 để lại di sản thừa kế là nhà cấp 4 diện tích quyền sử dụng đất 244m^2 (nằm trong diện tích 299m^2), thửa 241 và đất nông nghiệp là 1.630m^2, thửa 242, 244, 88, 90, cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng, cụ Đài chết không để lại di chúc.

Tài sản của cụ Kỷ, cụ Đài đã được mở thừa kế theo đúng trình tự thủ tục pháp luật, giao cho ông H3, bà H4 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Văn bản thỏa thuận về xử lý tài sản được Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 chứng thực ngày 25/9/2015, do đó việc ông H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là không có căn cứ. Đây là văn bản thỏa thuận có điều kiện, nhằm mục đích đảm bảo nhà đất nói trên không bị chuyển nhượng, các bên thỏa thuận ngoài thừa kế nhằm ràng buộc ông H3, bà H4 không được bán đất hương hỏa, nếu bán thì được chia cho 02 thành viên còn lại là Lâm Văn Hậu và Lâm Văn H mỗi người 1/3 giá trị tài sản. Tuy nhiên hiện nay ông H3, bà H4 không chuyển nhượng diện tích đất hương hỏa nên việc ông H khởi kiện là không đúng.

Diện tích đất nông nghiệp 2.143m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 922904 có nguồn gốc là của vợ chồng ông H3, bà H4 tự khai hoang và đã sử dụng ổn định, được kê khai từ năm 1990 theo quy định của Nhà nước, không có tranh chấp, đây là tài sản được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình gồm 05 thành viên trong gia đình.

Đối với thửa 886 trước đây có nguồn gốc là thuộc các thửa 242, 244, 88, 90, tờ bản đồ số G.160.I.a theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 534938 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 11/11/1997 cho cụ Phạm Thị Đài, sau đó các đồng thừa kế trong gia đình đã lập thủ tục nhường quyền thừa kế cho vợ chồng ông H3, bà H4 thì vợ chồng ông H3, bà H4 đã đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, sở dĩ diện tích đất có sự biến động là do khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Đài phần đất ở chưa được cấp.

Bị đơn không đồng ý với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bị đơn vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 26/7/2019, lời trình bày tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của ông Lâm Xuân H5 thì: Ông yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố văn bản thỏa thuận về xử lý tài sản do Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 (nay là Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S) chứng thực ngày 25/9/2015 là vô hiệu bởi lẽ Văn bản công chứng nói trên trái với quy định của pháp luật về sở hữu hộ gia đình. Gia đình ông gồm có 05 thành viên gồm: Ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4, ông Lâm Xuân H7 và Lâm Thị Ánh H8, tuy nhiên tại văn bản thỏa về xử lý tài sản ngày 25/9/2015 do ông H3, bà H4 đã tự ý định đoạt tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 534938 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L), tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/5/2007 là cấp cho hộ gia đình ông H3, bà H4, tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ gia đình gồm 05 thành viên như nói trên.

Tại Văn bản thỏa thuận xử lý tài sản do Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 công chứng ngày 25/9/2015, công chứng ông H3, bà H4 tự định đoạt tài sản thuộc sở hữu chung của hộ gia đình gồm 05 thành viên nhưng không có sự đồng ý của các thành viên còn lại trong gia đình là trái với quy định của pháp luật.

+ Lô đất có diện tích 2.143m^2, thửa 845 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L cấp ngày 18/9/2006 cho vợ chồng H3, bà H4 là có nguồn gốc do vợ chồng ông H3, bà H4 khai hoang, không liên quan đến di sản thừa kế. Vợ chồng ông H3, bà H4 đã nộp hồ sơ xin đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi các bên đã xác nhận di sản thừa kế của cụ Kỷ, cụ Đài, phần tài sản này không bao gồm thửa 845 nói trên.

+ Phần diện tích đất thửa 886 đã được phân chia để vợ chồng ông H3, bà H4 quản lý, sử dụng.

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H vì toàn bộ tài sản ông H tranh chấp một phần là của vợ chồng ông H3, bà H4 khai hoang và một phần đã phân chia trước đó. Đối với phần đất ông H khai hoang cùng với ông H3 thì ông H đã chuyển nhượng cho người khác.

Việc ông H sinh sống trên đất của vợ chồng ông H3, bà H4 là do sau khi chia thừa kế; vợ chồng ông H3, bà H4 cho ông H ở nhờ để trông coi.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 01/5/2021 của bà Trần Thị H6, lời trình bày của ông Đỗ Hữu S, người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị H6, chị Lâm Bảo Tr, chị Lâm Trần Bảo Ch, thì:

Bà H6 có yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia tài sản chung là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở thuộc thửa 889, tờ bản đồ số G.160.I.A, diện tích 1.929m^2 (trong đó đất ở 244m^2, đất nông nghiệp 1.630m^2), bà H6 xin được nhận 1/3 giá trị tài sản theo Văn bản thỏa thuận xử lý tài sản ngày 25/9/2015; chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với diện tích quyền sử dụng đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 26 diện tích 2.143m^2 đất nông nghiệp. Đối với yêu cầu độc lập của ông H5 thì không đồng ý.

Theo lời trình bày của bà Lâm Thị C3, ông Lâm Quang Kh, ông Lâm Hoàng K3 thì: Các ông, bà là con của cụ Lâm Văn Liệu, cụ Nguyễn Thị Giàng, hiện nay cụ Liệu, cụ Giàng đã chết.

Giữa cụ Liệu, cụ Giàng có 11 con chung gồm các ông, bà: Lâm Thị C3, Lâm Quang Kh, Lâm Thị Kim H9, Lâm Minh Kh, Lâm Hoàng K3, Lâm Thị Kim P, Lâm Tấn C4, Lâm Thị T4, Lâm Thị Mai X, Lâm Thanh K5, Lâm Thị Quỳnh N. Ngoài ra, giữa cụ Liệu, cụ Giàng không có con riêng, con nuôi nào khác. Việc tranh chấp tài sản thừa kế giữa ông Lâm Văn H và ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 đối với toàn bộ diện tích nhà và đất tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (gồm các thửa đất 241, 242, 244, 88, 90, thửa 845, tờ bản đồ số 26), các ông, bà không có yêu cầu gì và không có tranh chấp gì trong vụ án này. Trước đây gia đình ông, bà gồm 11 anh chị em đã có văn bản thống nhất để lại toàn bộ tài sản nhà đất nói trên do cụ Kỷ, cụ Đài để lại cho ông Lâm Văn Hậu, ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn H3. Hiện trạng nhà và quyền sử dụng đất từ trước đến nay không có gì thay đổi, về căn nhà 03 gian thì ông H ở một gian (01 phần căn nhà), ông H3 sử dụng một phần căn nhà, phần còn lại ông Hậu sử dụng, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Theo lời trình bày của ông Đỗ Hữu S, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S, thì: Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 được đổi tên thành Văn phòng Công chứng Đỗ Hữu S theo quy định của Luật Công chứng năm 2014. Đối với thủ tục xác nhận Văn bản thỏa thuận xử lý tài sản giữa vợ chồng ông H3, bà H4, ông Hậu, ông H thì: việc xác nhận Văn bản thỏa thuận nói trên là do ông Lâm Văn H3 yêu cầu; đây là loại văn bản công chứng theo yêu cầu, Văn phòng công chứng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Hồ sơ yêu cầu công chứng gồm có phiếu yêu cầu công chứng ngày

25/9/2015, chứng minh nhân dân, hộ khẩu ông H3, bà H4, hộ chiếu, vi sa của ông Lâm Văn Hậu, chứng minh nhân dân của ông H, Văn bản thỏa thuận về xử lý tài sản có chữ ký và lăn tay của ông H3, bà H4, ông Hậu, ông H, các bên đã đọc và đồng ý, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Văn phòng công chứng thực hiện đúng pháp luật. Do đó việc ông H5 yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thì ông không đồng ý.

Theo lời trình bày của bà Phạm Thị Th, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng Phạm Thị Th, thì: việc chứng nhận Văn bản công chứng của công chứng viên dựa trên cơ sở ý chí tự nguyện giữa người tham gia hợp đồng, giao dịch, đồng ý với tất cả các nội dung trong hợp đồng, Văn bản do người tham gia thỏa thuận, ký tại Văn phòng công chứng, theo hồ sơ lưu tại Văn phòng công chứng gồm giấy tờ chứng minh quyền tài sản, giấy tờ về nhân thân, công chứng viên chứng nhận văn bản, hợp đồng theo đúng trình tự quy định. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng có Văn bản trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 ngày 18/8/2006 cho hộ ông H3, bà H4 đối với diện tích quyền sử dụng đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số G.160.I.A, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng thì theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 06/10/2005, đăng ký thửa 845, tờ bản đồ số G.160.I.A nguồn gốc là tự khai phá, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Lộc S, thành phố Bảo L ngày 03/01/2006. Tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất (đơn xin hợp thức hóa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp) có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Lộc S, thành phố Bảo L ngày 30/3/2006, Tờ trình số 17/TTr-UB ngày 27/3/2006 của Ủy ban nhân dân phường Lộc S về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân hiện đang sử dụng đất tại phường Lộc S, danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/3/2006, biên bản kết thúc công khai ngày 24/3/2006. Căn cứ quy định của Luật Đất đai, ngày 17/5/2006, Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L có Quyết định số 591/QĐ-UBN về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Lâm Văn H3. Quá trình lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông H3, bà H4, Ủy ban nhân dân phường Lộc S đã thực hiện đúng quy định về thủ tục đăng ký, xét duyệt, niêm yết công khai kết quả xét duyệt, thành phần hồ sơ đầy đủ theo quy định, không có tranh chấp khiếu nại trong thời gian đăng ký xét duyệt niêm yết và lập tờ trình đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 ngày 18/8/2006 cho hộ ông H3, bà H4 đối với thửa đất số 845, tờ bản đồ số G.160.I.A phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện đúng quy định của pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho hộ gia đình ông H3, bà H4 gồm những ai thì Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L yêu cầu hộ ông H3, bà H4 cung cấp hồ sơ liên quan có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Lộc S, nơi có đất về thành viên

trong hộ gia đình tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc cơ quan có thẩm quyền để có thông tin phục vụ cho việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 116, 122, 123, 280, 423, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 166, 167, 188, 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm a khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Văn H gồm: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, về việc: "Tranh chấp tài sản chung" đối với vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Văn H gồm: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế, Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc "Tranh chấp tài sản chung".

+ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc: "Tranh chấp di sản thừa kế" đối với vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Văn H gồm: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, về việc "Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu".

+ Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lâm Xuân H5 về việc "Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu".

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận về việc xử lý tài sản do Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 chứng thực ngày 25/9/2015 của ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4, ông Lâm Văn Hậu (Lam Hau Van), ông Lâm Văn H đối với diện tích đất 1.929m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.630m^2 đất nông nghiệp); đo vẽ thực tế là 1.884m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.585m^2 đất nông nghiệp), thuộc thửa

886, tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực.

2. Xác định hàng thừa kế:

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lâm Văn Kỷ là cụ Phạm Thị Đài, ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn H3, ông Lâm Văn Hậu, bà Lâm Thị Mơ, ông Lâm Văn T3, ông Lâm Văn Liệu, ông Lâm Văn Tri.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị Đài gồm ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn H3, ông Lâm Văn Hậu, bà Lâm Thị Mơ, ông Lâm Văn Tri.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Liệu là bà Lâm Thị C3, ông Lâm Quang Kh, bà Lâm Thị Kim H9, ông Lâm Minh Kh, ông Lâm Hoàng K3, bà Lâm Thị Kim P, bà Lâm Thị T4, ông Lâm Tấn C4, bà Lâm Thị Mai X, ông Lâm Thanh K5, bà Lâm Thị Quỳnh N.

2.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Tri là ông Lâm Văn N2, bà Lâm Thị Thanh T5, bà Lâm Thị Thanh H4, ông Lâm Văn L5, ông Lâm Văn B, ông Lâm Văn Ch.

2.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị Mơ gồm ông Ngô V, anh Ngô Vũ V1, anh Ngô Việt T1, chị Ngô Thị Ngọc D.

2.6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Hậu là: Bà Trần Thị H6, chị Lâm Bảo Tr, chị Lâm Trần Bảo Ch.

2.7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn H3 là: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2.

3. Xác định lô đất có diện tích đo vẽ thực tế là 1.884m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.585m^2 đất nông nghiệp), thuộc 01 phần thửa 886, 01 phần thửa 243, 01 phần thửa 89, 01 phần thửa 90; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của ông Lâm Văn H, vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 và ông Lâm Văn Hậu.

Xác định phần đất có diện tích 78,3m^2 thuộc 01 phần thửa 886; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là đường đi chung (ký hiệu số 1 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Giá trị còn lại của lô đất và tài sản trên đất bao gồm căn nhà gỗ, nhà gạch, giếng là 4.232.521.849đ; giá trị 01 phần là 1.410.840.600đ.

Giao cho anh Lâm Trung H1 và anh Lâm Anh H2 được quyền quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 902,85m^2; trong đó có 149,5m^2 đất thổ cư và 753,35m^2 đất nông nghiệp thuộc 01 phần thửa 886, 01 phần thửa 243, 01 phần thửa 89, 01 phần thửa 90; được quyền quản lý, sử dụng 21,6m^2 căn nhà gỗ 1; 31,8m^2 nhà gỗ 2; 26,5m^2 nhà gạch tọa lạc trên diện tích đất nói trên; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa

lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (ký hiệu số 2 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 được quyền quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 902,85m^2; trong đó có 149,5m^2 đất thổ cư và 753,35m^2 đất nông nghiệp thuộc 01 phần thửa 886; được quyền quản lý, sử dụng 46,8m^2 căn nhà gỗ 1; 99,2m^2 nhà gạch tọa lạc trên diện tích đất nói trên; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (ký hiệu số 3 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Các tài sản khác bao gồm giếng nước, cây cà phê robusta, chuối, chanh, dừa, sầu riêng tọa lạc trên phần đất của ai thì người đó sử dụng.

Anh H1 và anh H2 có trách nhiệm giao cho bà H6 quản lý số tiền 705.420.324đ (bảy trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng); là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu.

Vợ chồng ông H3 và bà H4 có trách nhiệm giao cho bà H6 số tiền 705.420.324đ (bảy trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng); trong đó 470.280.200đ (bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà bà H6 được hưởng của ông Hậu; 235.140.124đ (hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu.

Tổng cộng giao cho bà H6 quản lý 940.561.400đ (chín trăm bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu. Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI534938 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp ngày 16/5/2007 cho hộ ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

4. Xác định lô đất có diện tích 2.007,9m^2 thuộc một phần thửa 845; 01 phần các thửa 90, 91, 93; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là di sản thừa kế do cụ Kỷ và cụ Đài để lại (ký hiệu số 4 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện); trị giá là: 1.606.320.000đ;

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006.

Hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên chứng thực.

Vợ chồng ông H3, bà H4 được hưởng 30% công sức đóng góp là: 481.896.000đ (bốn trăm tám mươi mốt triệu tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng); giá trị còn lại để chia là: 1.124.424.000đ (một tỷ một trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng); giá trị 01 kỷ phần thừa kế là 160.632.000đ (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Vợ chồng ông H3, bà H4 có trách nhiệm thanh toán cho anh Lâm Trung H và anh Lâm Anh H2 số tiền 160.632.000đ (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng); phần mỗi người là 80.316.000đ (tám mươi triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng); anh H và anh H2 được quyền quản lý, sử dụng số tiền nói trên.

Vợ chồng ông H3, bà H4 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H6 số tiền 160.632.000đ (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng); trong đó 53.544.000đ (năm mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) là kỷ phần thừa kế mà bà H6 được hưởng của ông Hậu; giao cho bà H6 quản ký số tiền 107.088.000đ (một trăm lẻ bảy triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) (là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu). Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng ông H3, bà H4 được quyền quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 2.007,9m^2 thuộc một phần thửa 845; 01 phần các thửa 90, 91, 93; trên đất có ao có diện tích 202,2m^2; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (ký hiệu số 04 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Tạm giao cho vợ chồng ông H3, bà H4 quản lý số tiền của các đồng thừa kế còn lại bao gồm ông Lâm Văn T3, ông Lâm Văn Liệu (những người thừa kế của ông Lâm Văn Liệu là bà Lâm Thị C3, ông Lâm Quang Kh, bà Lâm Thị Kim H9, ông Lâm Minh Kh, ông Lâm Hoàng K3, bà Lâm Thị Kim P, bà Lâm Thị T4, ông Lâm Tấn C4, bà Lâm Thị Mai X, ông Lâm Thanh K5, bà Lâm Thị Quỳnh N); ông Lâm Văn Tri (những người thừa kế của ông Tri là ông Lâm Văn N2, bà Lâm Thị Thanh T5, bà Lâm Thị Thanh H4, ông Lâm Văn L5, ông Lâm Văn B, ông Lâm Văn Ch);

Bà Lâm Thị Mơ (những người thừa kế của bà Mơ là ông Ngô V, anh Ngô Vũ V1, anh Ngô Việt T1, chị Ngô Thị Ngọc D); giá trị của một kỷ phần là 160.632.000đ (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn đồng); tổng cộng là 642.528.000đ (sáu trăm bốn mươi hai triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng). Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn

liền với đất tương ứng với diện tích đất được nhận theo quy định của Luật Đất đai.

(Có họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện kèm theo).

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 07/2019/QĐ-BPKCTT do Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành ngày 10/6/2019.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về các chi phí tố tụng, về án phí, các quy định về thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 11/7/2022 vợ chồng ông Lâm Văn H3, Đỗ Thị Nam H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Xuân H5 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 14/7/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng có quyết định kháng nghị số 326/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022, kháng nghị bản án sơ thẩm theo hướng đề nghị sửa bản án sơ thẩm, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận.

Ngày 28/9/2022 bà Trần Thị H6, Lâm Bảo Tr, Lâm Trần Bảo Ch làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm (kháng cáo quá hạn).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ông Lâm Xuân H5 đại diện cho bị đơn yêu cầu:* Đề nghị hủy văn bản công chứng ngày 29/5/2015 đối với các thửa đất số 886 vì lý do đây là tài sản thuộc sở hữu chung cấp cho hộ, nên khi chia tài sản không xem xét đến quyền lợi 03 thành viên trong hộ còn lại là ông H5; ông H7; ông Hồng là chưa thoả đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- *Ông H5 đại diện cho ông H3, bà Hai trình bày nội dung kháng cáo của ông H3, bà Hai:* Phần đất thửa 845 là đất do ông H3, bà Hai khai hoang mà có, chứ không phải là di sản thừa kế, nên cấp sơ thẩm phân chia là không đúng. Các đồng thừa kế đều xác nhận di sản thừa kế chỉ là thửa đất 866. Do đó, cấp sơ thẩm xác định thửa đất 845 là di sản thừa kế và đem phân chia luôn phần đất này là không đúng, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng là hoàn toàn có căn cứ. Nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của ông H3, bà Hai.

- *Đại diện nguyên đơn yêu cầu:* giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thửa đất 845 là di sản của cụ Đài, cụ Kỷ để lại là đúng.

- *Ông S đại diện cho bà H6, chị Ch, chị Tr trình bày:* Không đồng ý kháng cáo của ông H5 cho rằng tài sản cấp cho hộ gia đình, mà đây là tài sản chung và là di sản thừa kế. Đề nghị giữ y án sơ thẩm xét xử.

- *Luật sư T và Luật sư Th trình bày:* Thửa đất 845 đây là phần đất do ông H3, bà Hai khai hoang, nên đây là tài sản của ông H3, bà Hai. Phần đất này đã được Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp quyền sử dụng đất cho ông H3, bà Hai. Sự việc này cũng có xác nhận của các đồng thừa kế là chỉ có thửa đất 866 mới là di sản thừa kế. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông H3, bà Hai, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa án sơ thẩm theo đề nghị trên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H và yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18/9/2006 và yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình được lập giữa vợ chồng ông H3, bà H4 và các con là anh H5, anh Lâm Xuân H7, chị Lâm Thị Ánh H8 ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên (nay là Văn phòng Công chứng Phạm Thị Th) chứng thực liên quan đến thửa 845.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn H3, Đỗ Thị Nam H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Xuân H5 và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng làm trong hạn luật định, nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Xét: Ngày 28/9/2022 bà Trần Thị H6, Lâm Bảo Tr, Lâm Trần Bảo Ch làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là quá thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lý do kháng cáo quá hạn theo đại diện ủy quyền của 3 bà trình bày sau khi án sơ thẩm xử thấy bản án xử công bằng, và sau đó ông Đỗ Hữu S bị bệnh nên không kháng cáo được. Xét lý do mà ông S nêu là không có căn cứ, không thuộc trường hợp trở ngại khách quan, vì ông S có mặt tại phiên tòa ngày 30/6/2022 và đã nghe Chủ tọa giải thích về quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày theo quy định pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm đã ra Quyết định không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Trần Thị H6, Lâm Bảo Tr, Lâm Trần Bảo Ch theo Điều 275 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là diện tích nhà và quyền sử dụng đất ở 244m^2, đất ở với diện tích 299m^2, đất nông nghiệp 1.630m^2 thuộc các thửa 241, 242, 244, 88, 90 (nay là thửa 886) cùng tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thị xã Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI534938 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 ngày 16/5/2007 cho vợ chồng ông H3, bà H4, ông Hậu, ông H theo Văn bản thỏa thuận về xử lý tài sản ngày 25/9/2015; Phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất nông nghiệp 2.143m^2 thuộc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L cấp cho hộ ông H3, bà H4 ngày 18/8/2006, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L cấp cho ông H3, bà H4 ngày 18/8/2006, yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình ngày 27/5/2019; vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lâm Xuân H5 có đơn yêu cầu độc lập yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng ngày 25/9/2015 vô hiệu nên các bên phát sinh tranh chấp.

Quá trình giải quyết vụ án; ngày 22/5/2022 ông Lâm Văn H chết nên cần đưa những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông H gồm anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2 vào tham gia tố tụng trong vụ án, những đương sự vừa nêu cũng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông H và đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nói trên theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp tài sản chung, tranh chấp di sản thừa kế, yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo quy định tại các khoản 2, 5, 11 Điều 26, Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bà Trần Thị H6, chị Lâm Bảo Tr, chị Lâm Trần Bảo Ch hiện nay đang định cư tại Hoa Kỳ nên việc giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:

Theo nguyên đơn ông Lâm Văn H và bà H6 thì thửa 845 diện tích 2.143m^2 có nguồn gốc do cha mẹ là cụ Kỷ, cụ Đài để lại nhưng ông H3, bà H4 tự ý kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông H3, bà H4 trong khi các anh chị em trong gia đình không được biết. Ông H3 bà H4 thì cho rằng diện tích đất này do ông bà khai phá và sử dụng từ trước năm 1990 không liên quan đến phần di sản thừa kế do cha mẹ để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận của những người dân sống tại địa phương là ông Nguyễn Văn S, Lê Văn G, Lâm Quang Kh, Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu Thanh, Nguyễn Xứng. Những người trên xác nhận thửa đất 845 có nguồn gốc là của cụ Kỷ và cụ Đài. Ngoài chúng cứ này ông H không cung cấp chứng cứ nào khác.

Về phía ông H3, bà H4 cũng cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận của ông Phan Văn Bá, Hoàng Văn Thành, Trần Thị Ánh T5 – là những hộ sử dụng đất gần thửa đất 845. Nội dung những người này xác nhận: trước năm 1990 ông H và ông H3 có khai hoang đất tại phường Lộc S. Phần đất của ông H đã nhượng lại cho vợ chồng ông Đoàn Ngọc Thọ, bà Trần Thị Ánh T5 nay là thửa 781 còn phần của ông H3 nay là thửa 845 ông H3 vẫn sử dụng ổn định từ đó đến nay (BL 222-226). Ngoài ra, ông H3, bà H4 cung cấp chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 845, trong đó có thể hiện nguồn gốc do khai phá năm 1990 (BL168-170).

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3, bà H4 do Ủy ban nhân dân thành phố Bảo L cung cấp cũng thể hiện có nguồn gốc do khai phá năm 1990. Mặt khác, sau khi cụ Kỷ và cụ Đài chết, vào ngày 13/01/2005 những người thừa kế theo pháp luật của cụ Kỷ, cụ Đài đã lập Biên bản thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế do cụ Kỷ và cụ Đài để lại. Tại Biên bản thỏa thuận này các bên xác định di sản thừa kế chỉ là căn nhà và đất thuộc thửa 241, 242, 244, 88, 90 tờ bản đồ số G.160.I.A (nay là thửa 886) ngoài ra không còn tài sản nào khác, các bên cũng không đề cập gì đến thửa đất 845. Khi còn sống, cụ Kỷ cụ Đài cũng không đăng ký kê khai và sử dụng thửa 845.

Trong khi đó, khi cụ Kỷ cụ Đài còn sống thì ông H3, bà H4 đã sử dụng thửa đất 845 và được những hộ dân giáp ranh xác nhận là do ông H3, bà H4 khai phá và sử dụng từ trước năm 1990 đến nay. Quá trình sử dụng đất ông H3, bà H4 đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 18/8/2006 và tiếp tục sử dụng đất từ đó đến nay không có ai thắc mắc, hay khiếu nại gì. Thủa 845 nằm ngay phía sau thửa 886, ông H sinh sống trong căn nhà tại thửa 886 biết ông H3, bà H4 sử dụng đất từ trước đến nay nhưng lại cho rằng việc ông H3, bà H4 tự ý đăng ký kê khai quyền sử dụng đất để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông H ông biết là không có cơ sở.

Do vậy có căn cứ xác định thửa 845 có nguồn gốc do ông H3, bà H4 khai phá, sử dụng ổn định, liên tục từ trước đến nay. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có tranh chấp, không có ai thắc mắc, khiếu nại về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3, bà H4 đối với thửa 845 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Ông H, bà H6 khởi kiện đối với thửa đất này nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh đây là di sản thừa kế do cụ Kỷ cụ Đài để lại.

Tòa sơ thẩm chỉ căn cứ thửa 845 là liền thửa nằm ngay sau thửa 886 mà nhận định cho rằng thửa 845 là di sản thừa kế do cụ Kỷ, cụ Đài để lại và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H6 về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất thuộc thửa 845 và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H tuyên hủy giấy nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006; Hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình được lập giữa ông Lâm Văn H3 bà Đỗ Thị Nam H4 và các con là Lâm Xuân H5, Lâm Xuân H7, Lâm Thị Ánh H8 ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên (nay là Văn phòng Công chứng Phạm Thị Th) công chứng liên quan đến thửa đất 845 là không có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H3, bà H4 và các thành viên trong hộ gia đình là anh H5, anh H7, chị H8.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo phía bị đơn và một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chấp nhận kháng nghị số 326/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H6 về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc thửa 845, tờ bản số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H về việc yêu cầu hủy Giấy nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006 đối với thửa 845 và yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình được lập giữa ông Lâm Văn H3 bà Đỗ Thị Nam H4 và các con là Lâm Xuân H5, Lâm Xuân H7, Lâm Thị Ánh H8 ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên (nay là Văn phòng công chứng Phạm Thị Th) công chứng nội dung liên quan đến thửa 845 là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Đối với Thửa đất số 886 và tài sản trên đất sau khi các đồng thừa kế thống nhất nhường quyền thừa kế cho ông H3 và vợ chồng ông H3, bà H4 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không còn là di sản thừa kế nữa mà thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bị đơn. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông H3, bà H4 tự nguyện lập Văn bản thỏa thuận

về việc xử lý tài sản với ông H và ông Hậu; điều này chứng tỏ khối tài sản này là tài sản chung của vợ chồng ông H3, bà H4, ông Hậu và ông H.

[6] Quá trình giải quyết vụ án, ông H5 cho rằng việc cha mẹ của ông tự ý lập Văn bản thỏa thuận xử lý tài sản với ông H và ông Hậu mà không có sự đồng ý của các thành viên trong hộ là trái với quy định của pháp luật vì thửa 886 được cấp cho hộ gia đình và ngày 27/5/2019 các thành viên trong hộ gia đình ông đã lập Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất theo đó ông H5, ông H7 và bà H8 đã thống nhất nhường quyền sử dụng của mình cho vợ chồng ông H3, bà H4 được toàn quyền sử dụng nên thửa đất này thuộc quyền sử dụng của bị đơn chứ không phải là đồng sử dụng với ông H và ông Hậu. Qua xem xét thì thấy rằng: cơ sở để đánh giá việc một người nào đó, một hộ gia đình nào đó được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải căn cứ vào nguồn gốc của diện tích đất được cấp; căn cứ vào hồ sơ xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[7] Như đã phân tích nói trên, thửa 886 được các bên thừa nhận có nguồn gốc là di sản thừa kế do cụ Kỷ và cụ Đài để lại; căn cứ mà vợ chồng ông H3 và bà H4 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này là do các đồng thừa kế khác nhường lại theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập ngày 16/02/2005. Dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cơ quan chức năng cấp cho "hộ" ông H3, bà H4, tuy nhiên ông H5 không xuất trình được căn cứ chứng minh là diện tích đất này là được cấp cho hộ gia đình ông H3, bà H4 (trong đó có ông H5, ông H7 và bà H8) trong khi đó ông H5, ông H7 và bà H8 không phải là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Kỷ và cụ Đài và cũng không có công sức cùng khai phá, đóng góp nên không có cơ sở để xác định là cấp cho hộ gia đình, việc vợ chồng ông H3, bà H4 lập văn bản để định đoạt khối tài sản này cùng với ông H và ông Hậu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy xét kháng cáo của ông H5 đối với vấn đề nêu trên là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận một phần ông Lâm Xuân H5 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông H3, bà H4 là người cao tuổi nên đã được miễn nộp.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 275 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo quá hạn của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H6, Lâm Bảo Tr, Lâm Trần Bảo Ch đối với Bản án dân sự sơ

thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Xuân H5,

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 326/QĐ-VKS-DS ngày 12/7/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng,

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2022/DS-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Áp dụng các Điều 116, 122, 123, 280, 423, 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H6 về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích đất thuộc thửa 845, tờ bản số 26, tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn H về việc yêu cầu hủy Giấy nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã Bảo L (nay là thành phố Bảo L) cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006 đối với thửa 845 và yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận về quyền sử dụng đất hộ gia đình được lập giữa ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 và các con là Lâm Xuân H5, Lâm Xuân H7, Lâm Thị Ánh H8 ngày 27/5/2019 do Văn phòng Công chứng Lê Trung Kiên (nay là Văn phòng Công chứng Phạm Thị Th) công chứng nội dung liên quan đến thửa 845.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Văn H gồm: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, về việc: "Tranh chấp tài sản chung" đối với vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

4/ Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc "Tranh chấp tài sản chung".

5/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn H, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Văn H gồm: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2, về việc "Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu".

Tuyên xử:

1. Tuyên bố Văn bản thỏa thuận về việc xử lý tài sản do Văn phòng Công chứng Đỉnh V1 chứng thực ngày 25/9/2015 của ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam

H4, ông Lâm Văn Hậu (Lam Hau Van), ông Lâm Văn H đối với diện tích đất 1.929m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.630m^2 đất nông nghiệp); đo vẽ thực tế là 1.884m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.585m^2 đất nông nghiệp), thuộc thửa 886, tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực.

2. Xác định hàng thừa kế:

2.1. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Lâm Văn Kỷ là cụ Phạm Thị Đài, ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn H3, ông Lâm Văn Hậu, bà Lâm Thị Mơ, ông Lâm Văn T3, ông Lâm Văn Liệu, ông Lâm Văn Tri.

2.2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm Thị Đài gồm ông Lâm Văn H, ông Lâm Văn H3, ông Lâm Văn Hậu, bà Lâm Thị Mơ, ông Lâm Văn Tri.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Liệu là bà Lâm Thị C3, ông Lâm Quang Kh, bà Lâm Thị Kim H9, ông Lâm Minh Kh, ông Lâm Hoàng K3, bà Lâm Thị Kim P, bà Lâm Thị T4, ông Lâm Tấn C4, bà Lâm Thị Mai X, ông Lâm Thanh K5, bà Lâm Thị Quỳnh N.

2.4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Tri là ông Lâm Văn N2, bà Lâm Thị Thanh T5, bà Lâm Thị Thanh H4, ông Lâm Văn L5, ông Lâm Văn B, ông Lâm Văn Ch.

2.5. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của bà Lâm Thị Mơ gồm ông Ngô V, anh Ngô Vũ V1, anh Ngô Việt T1, chị Ngô Thị Ngọc D.

2.6. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn Hậu là: Bà Trần Thị H6, chị Lâm Bảo Tr, chị Lâm Trần Bảo Ch.

2.7. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông Lâm Văn H3 là: anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2.

3. Xác định lô đất có diện tích đo vẽ thực tế là 1.884m^2 (trong đó có 299m^2 đất ở và 1.585m^2 đất nông nghiệp), thuộc 01 phần thửa 886, 01 phần thửa 243, 01 phần thửa 89, 01 phần thửa 90; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của ông Lâm Văn H, vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 và ông Lâm Văn Hậu.

Xác định phần đất có diện tích 78,3m^2 thuộc 01 phần thửa 886; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng là đường đi chung (ký hiệu số 1 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Giá trị còn lại của lô đất và tài sản trên đất bao gồm căn nhà gỗ, nhà gạch, giếng là 4.232.521.849đ; giá trị 01 phần là 1.410.840.600đ.

Giao cho anh Lâm Trung H1 và anh Lâm Anh H2 được quyền quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 902,85m^2; trong đó có 149,5m^2 đất thổ cư và 753,35m^2

đất nông nghiệp thuộc 01 phần thửa 886, 01 phần thửa 243, 01 phần thửa 89, 01 phần thửa 90; được quyền quản lý, sử dụng 21,6m^2 căn nhà gỗ 1; 31,8m^2 nhà gỗ 2; 26,5m^2 nhà gạch tọa lạc trên diện tích đất nói trên; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (ký hiệu số 2 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 được quyền quản lý, sử dụng lô đất có diện tích 902,85m^2; trong đó có 149,5m^2 đất thổ cư và 753,35m^2 đất nông nghiệp thuộc 01 phần thửa 886; được quyền quản lý, sử dụng 46,8m^2 căn nhà gỗ 1; 99,2m^2 nhà gạch tọa lạc trên diện tích đất nói trên; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng (ký hiệu số 3 trong Họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện).

Các tài sản khác bao gồm giếng nước, cây cà phê robusta, chuối, chanh, dừa, sầu riêng tọa lạc trên phần đất của ai thì người đó sử dụng.

Anh H1 và anh H2 có trách nhiệm giao cho bà H6 quản lý số tiền 705.420.324đ (bảy trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng); là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu.

Vợ chồng ông H3 và bà H4 có trách nhiệm giao cho bà H6 số tiền 705.420.324đ (bảy trăm lẻ năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng); trong đó 470.280.200đ (bốn trăm bảy mươi triệu hai trăm tám mươi nghìn hai trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà bà H6 được hưởng của ông Hậu; 235.140.124đ (hai trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu.

Tổng cộng giao cho bà H6 quản lý 940.561.400đ (chín trăm bốn mươi triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn bốn trăm đồng) là kỷ phần thừa kế mà chị Tr và chị Ch được hưởng của ông Hậu. Khi các đồng thừa kế này có đơn khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI534938 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp ngày 16/5/2007 cho hộ ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

4. Công nhận lô đất có diện tích 2.007,9m^2 thuộc một phần thửa 845; 01 phần các thửa 90, 91, 93; tờ bản đồ số G.160.I.A tọa lạc tại phường Lộc S, thành phố Bảo L, tỉnh Lâm Đồng cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 (ký hiệu số 4 theo họa đồ đo đạc hiện trạng sử dụng đất do Công ty trách nhiệm hữu hạn An Thịnh Lâm Đồng thực hiện); trị giá là: 1.606.320.000đ;

Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ922904 do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Bảo L cấp cho ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4 vào ngày 18/8/2006.

5. Về chi phí tố tụng: vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4; bà Trần Thị H6; ông Lâm Văn H (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2) mỗi bên phải chịu 9.965.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản.

Vợ chồng ông H3, bà H4 phải thanh toán cho ông H (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2) mỗi người số tiền 4.965.000đ (bốn triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Bà H6 phải thanh toán cho ông H (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2) số tiền 9.965.000đ (chín triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

6. Án phí dân sự:

6.1. Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lâm Văn H (những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông H là anh Lâm Trung H1, anh Lâm Anh H2) và vợ chồng ông Lâm Văn H3, bà Đỗ Thị Nam H4.

Bà Trần Thị H6 phải chịu 22.811.208đ án phí dân sự sơ thẩm; được trừ vào số tiền 29.074.995đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006800 ngày 07/7/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; bà H6 được nhận lại số tiền 6.263.787đ án phí còn thừa.

Anh Lâm Xuân H5 không phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm; được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0017858 ngày 10/9/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

6.2. Án phí phúc thẩm: Ông Lâm Xuân H5 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại cho ông H5 tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0010097 ngày 28/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

7. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu (Án-Trúc).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm

CÁC THẨM PHÁN

Võ Văn Khoa **Đặng Văn Ý**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Minh Tâm